

THÁNG 9 NĂM 2025

Ngày, giờ thống kê: 08h00 - 02/10/2025 (Theo 766/QĐ-TTg)	LOẠI:	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung bình	Dưới TB	TỔNG
	Cấp tỉnh:	1	8	4	1	1	15
	Cấp xã:	83	18	1	0	0	102

Stt	Tuần trong năm/ Tháng	Mã Cơ quan	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch		Tiến độ, kết quả giải quyết			Số hóa hồ sơ			Cung cấp dịch vụ trực tuyến			Thanh toán trực tuyến			Mức độ hài lòng			TỔNG	LOẠI
				Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 20 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ TBQG đạt tối thiểu 95% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 22 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ SOHOA đạt tối thiểu 80% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 12 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ DVCTT đạt 60% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 10 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG*	Mục tiêu Tỷ lệ TTTT đạt tối thiểu 60% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ hài lòng đạt tối thiểu 90% trở lên		
				1	2	3	4		5	6		7	8		9	10		11	12		13 = 1+3 +5+7+9+11	14
I			CẤP TỈNH																			
1	Tháng 9	H01.15	Sở Du lịch	18	100	19,57	97,85	Đạt	18,24	82,91	Đạt	10	83,34	Đạt	9	90	Đạt	18	100,00	Đạt	92,81	Xuất sắc
2	Tháng 9	H01.04	Sở Văn hóa và Thể thao	18	100	17,29	86,45	Chưa đạt	18,1	82,28	Đạt	10	83,34	Đạt	8,63	86,3	Đạt	17,76	98,67	Đạt	89,78	Tốt
3	Tháng 9	H01.03	Sở Nông nghiệp và Môi trường	18	100	17,76	88,8	Chưa đạt	15,8	71,82	Chưa đạt	10	83,34	Đạt	6,37	63,7	Đạt	17,92	99,56	Đạt	85,85	Tốt
4	Tháng 9	H01.16	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	18	100	18,6	93	Chưa đạt	16,32	74,19	Chưa đạt	10	83,34	Đạt	3,58	35,8	Chưa đạt	18	100,00	Đạt	84,5	Tốt
5	Tháng 9	H01.07	Sở Dân tộc và Tôn giáo	18	100	12,86	64,3	Chưa đạt	16,91	76,87	Chưa đạt	10	83,34	Đạt	10	100	Đạt	16,29	90,50	Đạt	84,06	Tốt
6	Tháng 9	H01.05	Sở Khoa học và Công nghệ	18	100	16,31	81,55	Chưa đạt	18,13	82,41	Đạt	10	83,34	Đạt	8,74	87,4	Đạt	11,44	63,56	Chưa đạt	82,62	Tốt
7	Tháng 9	H01.09	Sở Xây dựng	18	100	16,53	82,65	Chưa đạt	16,24	73,82	Chưa đạt	10	83,34	Đạt	9,67	96,7	Đạt	11,51	63,95	Chưa đạt	81,95	Tốt
8	Tháng 9	H01.01	Sở Nội vụ	18	100	17,33	86,65	Chưa đạt	14,62	66,46	Chưa đạt	10	83,34	Đạt	10	100	Đạt	11,78	65,45	Chưa đạt	81,73	Tốt
9	Tháng 9	H01.02	Sở Tài chính	18	100	19,92	99,6	Đạt	14,41	65,50	Chưa đạt	10	83,34	Đạt	6,99	69,9	Đạt	12	66,67	Chưa đạt	81,32	Tốt
10	Tháng 9	H01.10	Sở Y tế	18	100	16,53	82,65	Chưa đạt	12,87	58,50	Chưa đạt	10	83,34	Đạt	9,14	91,4	Đạt	11,51	63,95	Chưa đạt	78,05	Khá
11	Tháng 9	H01.11	Sở Giáo dục và Đào tạo	18	100	16,14	80,7	Chưa đạt	18,47	83,96	Đạt	10	83,34	Đạt	2	20	Chưa đạt	11,38	63,23	Chưa đạt	75,99	Khá
12	Tháng 9	H01.13	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	18	100	19,14	95,7	Đạt	5,51	25,05	Chưa đạt	5,13	42,75	Chưa đạt	7	70	Đạt	18	100,00	Đạt	72,78	Khá
13	Tháng 9	H01.06	Sở Công Thương	4,78	26,56	15,22	76,1	Chưa đạt	18,4	83,64	Đạt	7,13	59,42	Chưa đạt	9,19	91,9	Đạt	17,07	94,84	Đạt	71,79	Khá
14	Tháng 9	H01.12	Sở Tư pháp	2,92	16,23	14,2	71	Chưa đạt	17,47	79,41	Chưa đạt	5,68	47,34	Chưa đạt	5,1	51	Chưa đạt	10,73	59,62	Chưa đạt	56,1	Trung bình
15	Tháng 9	H01.08	Thanh tra tỉnh An Giang	0	0	6,32	31,6	Chưa đạt	0	0,00	Chưa đạt	4	33,34	Chưa đạt	10	100	Đạt	14,11	78,39	Chưa đạt	34,43	Dưới TB
II			CẤP XÃ																			
1	Tháng 9	H01.111	UBND xã Phú Hữu	18	100	19,97	99,85	Đạt	19,86	90,28	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,25	82,5	Đạt	18	100,00	Đạt	92,15	Xuất sắc
2	Tháng 9	H01.121	UBND xã Hòa Lạc	18	100	19,9	99,5	Đạt	19,64	89,28	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,3	83	Đạt	18	100,00	Đạt	91,93	Xuất sắc
3	Tháng 9	H01.174	UBND xã Tân Hội	18	100	19,92	99,6	Đạt	19,57	88,96	Đạt	8,03	66,92	Đạt	8,4	84	Đạt	18	100,00	Đạt	91,92	Xuất sắc
4	Tháng 9	H01.108	UBND xã Vĩnh Hậu	18	100	19,93	99,65	Đạt	19,48	88,55	Đạt	8,06	67,17	Đạt	8,3	83	Đạt	18	100,00	Đạt	91,77	Xuất sắc
5	Tháng 9	H01.109	UBND Xã Nhơn Hội	18	100	19,96	99,8	Đạt	19,48	88,55	Đạt	8,03	66,92	Đạt	8,21	82,1	Đạt	18	100,00	Đạt	91,68	Xuất sắc
6	Tháng 9	H01.126	UBND xã Bình Mỹ	18	100	19,71	98,55	Đạt	19,47	88,50	Đạt	8,1	67,50	Đạt	8,4	84	Đạt	18	100,00	Đạt	91,68	Xuất sắc
7	Tháng 9	H01.113	UBND phường Long Phú	18	100	19,96	99,8	Đạt	19,65	89,32	Đạt	8,1	67,50	Đạt	7,96	79,6	Đạt	18	100,00	Đạt	91,67	Xuất sắc
8	Tháng 9	H01.120	UBND xã Chợ Mới	18	100	19,93	99,65	Đạt	19,54	88,82	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,1	81	Đạt	18	100,00	Đạt	91,66	Xuất sắc
9	Tháng 9	H01.185	UBND xã An Biên	18	100	19,92	99,6	Đạt	19,18	87,19	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,45	84,5	Đạt	18	100,00	Đạt	91,64	Xuất sắc
10	Tháng 9	H01.110	UBND xã Khánh Bình	18	100	20	100	Đạt	19,31	87,78	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,23	82,3	Đạt	18	100,00	Đạt	91,63	Xuất sắc
11	Tháng 9	H01.144	UBND xã Hội An	18	100	19,67	98,35	Đạt	19,53	88,78	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,31	83,1	Đạt	18	100,00	Đạt	91,6	Xuất sắc
12	Tháng 9	H01.129	UBND phường Tịnh Biên	18	100	19,9	99,5	Đạt	19,22	87,37	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,35	83,5	Đạt	18	100,00	Đạt	91,56	Xuất sắc
13	Tháng 9	H01.116	UBND xã Vĩnh Xương	18	100	19,98	99,9	Đạt	19,3	87,73	Đạt	8,03	66,92	Đạt	8,23	82,3	Đạt	18	100,00	Đạt	91,54	Xuất sắc
14	Tháng 9	H01.133	UBND xã Ba Chúc	18	100	19,91	99,55	Đạt	19,51	88,69	Đạt	8,03	66,92	Đạt	8,08	80,8	Đạt	18	100,00	Đạt	91,53	Xuất sắc
15	Tháng 9	H01.198	UBND xã Giang Thành	18	100	19,75	98,75	Đạt	19,3	87,73	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,38	83,8	Đạt	18	100,00	Đạt	91,52	Xuất sắc
16	Tháng 9	H01.179	UBND xã Ngọc Chúc	18	100	19,93	99,65	Đạt	19,21	87,32	Đạt	8,04	67,00	Đạt	8,28	82,8	Đạt	18	100,00	Đạt	91,46	Xuất sắc
17	Tháng 9	H01.127	UBND xã Thanh Mỹ Tây	18	100	19,49	97,45	Đạt	19,48	88,55	Đạt	8,03	66,92	Đạt	8,4	84	Đạt	18	100,00	Đạt	91,4	Xuất sắc
18	Tháng 9	H01.147	UBND xã Nhơn Mỹ	18	100	19,9	99,5	Đạt	19,3	87,73	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,1	81	Đạt	18	100,00	Đạt	91,37	Xuất sắc
19	Tháng 9	H01.165	UBND xã Sơn Kiên	18	100	19,95	99,8	Đạt	19,21	87,32	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,12	81,2	Đạt	18	100,00	Đạt	91,37	Xuất sắc
20	Tháng 9	H01.107	UBND xã An Phú	18	100	19,84	99,2	Đạt	19,35	87,96	Đạt	8,1	67,50	Đạt	8,06	80,6	Đạt	18	100,00	Đạt	91,35	Xuất sắc
21	Tháng 9	H01.196	UBND xã Vĩnh Bình	18	100	19,7	98,5	Đạt	19,53	88,78	Đạt	8,06	67,17	Đạt	8,06	80,6	Đạt	18	100,00	Đạt	91,35	Xuất sắc
22	Tháng 9	H01.146	UBND xã Chợ Mới	18	100	19,92	99,6	Đạt	19,29	87,69	Đạt	8,1	67,50	Đạt	7,96	79,6	Đạt	18	100,00	Đạt	91,27	Xuất sắc
23	Tháng 9	H01.187	UBND xã Đồng Thái	18	100	19,75	98,75	Đạt	19,39	88,14	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,05	80,5	Đạt	18	100,00	Đạt	91,26	Xuất sắc
24	Tháng 9	H01.184	UBND xã Vĩnh Tuy	18	100	19,83	99,15	Đạt	18,96	86,19	Đạt	8,03	66,92	Đạt	8,38	83,8	Đạt	18	100,00	Đạt	91,2	Xuất sắc
25	Tháng 9	H01.177	UBND xã Long Thạnh	18	100	19,7	98,5	Đạt	19,29	87,69	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,12	81,2	Đạt	18	100,00	Đạt	91,2	Xuất sắc
26	Tháng 9	H01.163	UBND xã Hòn Nghệ	18	100	20	100	Đạt	19,04	86,55	Đạt	8,03	66,92	Đạt	8,13	81,3	Đạt	18	100,00	Đạt	91,2	Xuất sắc
27	Tháng 9	H01.195	UBND xã Vĩnh Thuận	18	100	19,95	99,75	Đạt	19,07	86,69	Đạt	8,04	67,00	Đạt	8,12	81,2	Đạt	18	100,00	Đạt	91,18	Xuất sắc
28	Tháng 9	H01.124	UBND xã Vĩnh Thanh Trung	18	100	19,41	97,05	Đạt	19,45	88,41	Đạt	8,04	67,00	Đạt	8,28	82,8	Đạt	18	100,00	Đạt	91,18	Xuất sắc
29	Tháng 9	H01.186	UBND xã Tây Yên	18	100	19,91	99,55	Đạt	19,25	87,50	Đạt	8,04	67,00	Đạt	7,96	79,6	Đạt	18	100,00	Đạt	91,16	Xuất sắc
30	Tháng 9	H01.141	UBND xã Vĩnh Hanh	18	100	19,78	98,9	Đạt	19,11	86,87	Đạt	8,04	67,00	Đạt	8,23	82,3	Đạt	18	100,00	Đạt	91,16	Xuất sắc
31	Tháng 9	H01.171	UBND xã Thanh Lộc	18	100	19,5	97,5	Đạt	19,14	87,00	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,43	84,3	Đạt	18	100,00	Đạt	91,16	Xuất sắc
32	Tháng 9	H01.119	UBND xã Bình Thạnh Đông	18	100	20	100	Đạt	19,22	87,37	Đạt	8,06	67,17	Đạt	7,87	78,7	Đạt	18	100,00	Đạt	91,15	Xuất sắc
33	Tháng 9	H01.167	UBND xã Bình Sơn	18	100	19,86	99,3	Đạt	19,01	86,41	Đạt	8,06	67,17	Đạt	8,21	82,1	Đạt	18	100,00	Đạt	91,14	Xuất sắc
34	Tháng 9	H01.192	UBND xã Văn Khánh	18	100	20	100	Đạt	19,09	86,78	Đạt	8,04	67,00	Đạt	8	80	Đạt	18	100,00	Đạt	91,13	Xuất sắc
35	Tháng 9	H01.180	UBND xã Hòa Thuận	18	100	19,83	99,15	Đạt	19,25	87,50	Đạt	8,04	67,00	Đạt	8	80	Đạt	18	100,00	Đạt	91,12	Xuất sắc
36	Tháng 9	H01.154	UBND xã Tây Phú	18	100	19,96	99,8	Đạt	18,81	85,50	Đạt	8,03	66,92	Đạt	8,31	83,1	Đạt	18	100,00	Đạt	91,11	Xuất sắc

Stt	Tuần trong năm/ Tháng	Mã Cơ quan	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch		Tiến độ, kết quả giải quyết			Số hóa hồ sơ			Cung cấp dịch vụ trực tuyến			Thanh toán trực tuyến			Mức độ hài lòng			TỔNG	LOẠI
				Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 20 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ TBQG đạt tối thiểu 95% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 22 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ SOHOA đạt tối thiểu 80% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 12 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ DVCTT đạt 60% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 10 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG*	Mục tiêu Tỷ lệ TTTT đạt tối thiểu 60% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ hài lòng đạt tối thiểu 90% trở lên		
				1	2	3	4		5	6		7	8		9	10		11	12		13 = 1+3 +5+7+9+11	14
37	Tháng 9	H01.142	UBND xã Vĩnh An	18	100	19,88	99,4	Đạt	19,54	88,82	Đạt	8,07	67,25	Đạt	7,6	76	Đạt	18	100,00	Đạt	91,09	Xuất sắc
38	Tháng 9	H01.140	UBND xã Cần Đăng	18	100	19,93	99,65	Đạt	18,83	85,60	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,25	82,5	Đạt	18	100,00	Đạt	91,08	Xuất sắc
39	Tháng 9	H01.114	UBND xã Tân An	18	100	19,94	99,7	Đạt	19,2	87,28	Đạt	8,03	66,92	Đạt	7,9	79	Đạt	18	100,00	Đạt	91,07	Xuất sắc
40	Tháng 9	H01.106	UBND phường Vĩnh Tế	18	100	19,46	97,3	Đạt	19,12	86,91	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,38	83,8	Đạt	18	100,00	Đạt	91,05	Xuất sắc
41	Tháng 9	H01.118	UBND xã Phú An	18	100	19,84	99,2	Đạt	19,27	87,60	Đạt	8,07	67,25	Đạt	7,87	78,7	Đạt	18	100,00	Đạt	91,05	Xuất sắc
42	Tháng 9	H01.104	UBND xã Mỹ Hòa Hưng	18	100	19,54	97,7	Đạt	19,2	87,28	Đạt	8,06	67,17	Đạt	8,25	82,5	Đạt	18	100,00	Đạt	91,05	Xuất sắc
43	Tháng 9	H01.162	UBND xã Sơn Hải	18	100	20	100	Đạt	18,79	85,41	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,17	81,7	Đạt	18	100,00	Đạt	91,03	Xuất sắc
44	Tháng 9	H01.157	UBND phường Hà Tiên	18	100	19,91	99,55	Đạt	18,81	85,50	Đạt	8,1	67,50	Đạt	8,21	82,1	Đạt	18	100,00	Đạt	91,03	Xuất sắc
45	Tháng 9	H01.112	UBND phường Tân Châu	18	100	19,53	97,65	Đạt	19,05	86,60	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,3	83	Đạt	18	100,00	Đạt	90,97	Xuất sắc
46	Tháng 9	H01.199	UBND xã Vĩnh Diệu	18	100	19,96	99,8	Đạt	19,09	86,78	Đạt	8,06	67,17	Đạt	7,84	78,4	Đạt	18	100,00	Đạt	90,95	Xuất sắc
47	Tháng 9	H01.193	UBND xã U Minh Thượng	18	100	19,51	97,55	Đạt	19,23	87,41	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,12	81,2	Đạt	18	100,00	Đạt	90,93	Xuất sắc
48	Tháng 9	H01.128	UBND phường Thới Sơn	18	100	19,77	98,85	Đạt	18,6	84,55	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,45	84,5	Đạt	18	100,00	Đạt	90,91	Xuất sắc
49	Tháng 9	H01.125	UBND xã Châu Phú	18	100	19,98	99,9	Đạt	18,56	84,37	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,3	83	Đạt	18	100,00	Đạt	90,91	Xuất sắc
50	Tháng 9	H01.145	UBND xã Long Điền	18	100	19,98	99,9	Đạt	18,69	84,96	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,14	81,4	Đạt	18	100,00	Đạt	90,9	Xuất sắc
51	Tháng 9	H01.102	UBND phường Bình Đức	18	100	19,69	98,45	Đạt	18,88	85,82	Đạt	8,12	67,67	Đạt	8,19	81,9	Đạt	18	100,00	Đạt	90,88	Xuất sắc
52	Tháng 9	H01.138	UBND xã An Châu	18	100	19,83	99,15	Đạt	18,85	85,69	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,1	81	Đạt	18	100,00	Đạt	90,87	Xuất sắc
53	Tháng 9	H01.175	UBND xã Giồng Riềng	18	100	19,55	97,75	Đạt	19,13	86,96	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,12	81,2	Đạt	18	100,00	Đạt	90,87	Xuất sắc
54	Tháng 9	H01.164	UBND xã Hòn Đất	18	100	19,87	99,35	Đạt	18,79	85,41	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,12	81,2	Đạt	18	100,00	Đạt	90,87	Xuất sắc
55	Tháng 9	H01.178	UBND xã Hòa Hưng	18	100	19,24	96,2	Đạt	19,28	87,64	Đạt	8,06	67,17	Đạt	8,28	82,8	Đạt	18	100,00	Đạt	90,86	Xuất sắc
56	Tháng 9	H01.159	UBND xã Tiền Hải	18	100	19,21	96,05	Đạt	19,22	87,37	Đạt	8,1	67,50	Đạt	8,33	83,3	Đạt	18	100,00	Đạt	90,86	Xuất sắc
57	Tháng 9	H01.117	UBND xã Phú Tân	18	100	19,91	99,55	Đạt	18,73	85,14	Đạt	8,1	67,50	Đạt	8,1	81	Đạt	18	100,00	Đạt	90,84	Xuất sắc
58	Tháng 9	H01.176	UBND xã Thanh Hưng	18	100	19,88	99,4	Đạt	18,62	84,64	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,26	82,6	Đạt	18	100,00	Đạt	90,83	Xuất sắc
59	Tháng 9	H01.103	UBND phường Mỹ Thới	18	100	19,69	98,45	Đạt	18,51	84,14	Đạt	8,13	67,75	Đạt	8,43	84,3	Đạt	18	100,00	Đạt	90,76	Xuất sắc
60	Tháng 9	H01.190	UBND xã Tân Thạnh	18	100	20	100	Đạt	18,88	85,82	Đạt	8,04	67,00	Đạt	7,75	77,5	Đạt	18	100,00	Đạt	90,67	Xuất sắc
61	Tháng 9	H01.137	UBND xã Vĩnh Gia	18	100	19,73	98,65	Đạt	18,91	85,96	Đạt	8,07	67,25	Đạt	7,96	79,6	Đạt	18	100,00	Đạt	90,67	Xuất sắc
62	Tháng 9	H01.132	UBND xã Núi Cấm	18	100	20	100	Đạt	18,75	85,23	Đạt	8,03	66,92	Đạt	7,88	78,8	Đạt	18	100,00	Đạt	90,66	Xuất sắc
63	Tháng 9	H01.183	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	18	100	19,41	97,05	Đạt	18,93	86,05	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,21	82,1	Đạt	18	100,00	Đạt	90,62	Xuất sắc
64	Tháng 9	H01.101	UBND phường Long Xuyên	18	100	19,65	98,25	Đạt	18,51	84,14	Đạt	8,13	67,75	Đạt	8,32	83,2	Đạt	18	100,00	Đạt	90,61	Xuất sắc
65	Tháng 9	H01.136	UBND xã Cỏ Tô	18	100	20	100	Đạt	18,46	83,91	Đạt	8,03	66,92	Đạt	8,1	81	Đạt	18	100,00	Đạt	90,59	Xuất sắc
66	Tháng 9	H01.134	UBND xã Trĩ Tôn	18	100	19,42	97,1	Đạt	18,96	86,19	Đạt	8,06	67,17	Đạt	8,12	81,2	Đạt	18	100,00	Đạt	90,56	Xuất sắc
67	Tháng 9	H01.148	UBND xã Long Kiến	18	100	19,95	99,75	Đạt	18,41	83,69	Đạt	8,06	67,17	Đạt	8,14	81,4	Đạt	18	100,00	Đạt	90,56	Xuất sắc
68	Tháng 9	H01.122	UBND xã Phú Lâm	18	100	20	100	Đạt	18,55	84,32	Đạt	8,04	67,00	Đạt	7,97	79,7	Đạt	18	100,00	Đạt	90,56	Xuất sắc
69	Tháng 9	H01.105	UBND phường Châu Đốc	18	100	19,35	96,75	Đạt	18,67	84,87	Đạt	8,1	67,50	Đạt	8,43	84,3	Đạt	18	100,00	Đạt	90,55	Xuất sắc
70	Tháng 9	H01.156	UBND phường Vĩnh Thông	18	100	19,71	98,55	Đạt	18,32	83,28	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,39	83,9	Đạt	18	100,00	Đạt	90,51	Xuất sắc
71	Tháng 9	H01.173	UBND xã Thanh Đông	18	100	19,43	97,15	Đạt	18,72	85,10	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,19	81,9	Đạt	18	100,00	Đạt	90,43	Xuất sắc
72	Tháng 9	H01.158	UBND phường Tô Châu	18	100	19,27	96,35	Đạt	18,61	84,60	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,45	84,5	Đạt	18	100,00	Đạt	90,42	Xuất sắc
73	Tháng 9	H01.149	UBND xã Thoại Sơn	18	100	19,86	99,3	Đạt	18,07	82,14	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,38	83,8	Đạt	18	100,00	Đạt	90,4	Xuất sắc
74	Tháng 9	H01.189	UBND xã Đồng Hòa	18	100	19,57	97,85	Đạt	18,61	84,60	Đạt	8,04	67,00	Đạt	8,05	80,5	Đạt	18	100,00	Đạt	90,27	Xuất sắc
75	Tháng 9	H01.191	UBND xã Đồng Hưng	18	100	19,76	98,8	Đạt	18,79	85,41	Đạt	8,02	66,84	Đạt	7,68	76,8	Đạt	18	100,00	Đạt	90,25	Xuất sắc
76	Tháng 9	H01.182	UBND xã Định Hòa	18	100	19,77	98,85	Đạt	18,09	82,23	Đạt	8,06	67,17	Đạt	8,31	83,1	Đạt	18	100,00	Đạt	90,23	Xuất sắc
77	Tháng 9	H01.151	UBND xã Định Mỹ	18	100	19,41	97,05	Đạt	18,5	84,10	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,23	82,3	Đạt	18	100,00	Đạt	90,21	Xuất sắc
78	Tháng 9	H01.197	UBND xã Vĩnh Phong	18	100	19,75	98,75	Đạt	18,27	83,05	Đạt	8,06	67,17	Đạt	8,12	81,2	Đạt	18	100,00	Đạt	90,2	Xuất sắc
79	Tháng 9	H01.181	UBND xã Gò Quao	18	100	19,9	99,5	Đạt	18,27	83,05	Đạt	8,07	67,25	Đạt	7,96	79,6	Đạt	18	100,00	Đạt	90,2	Xuất sắc
80	Tháng 9	H01.172	UBND xã Tân Hiệp	18	100	19,16	95,8	Đạt	18,54	84,28	Đạt	8,1	67,50	Đạt	8,38	83,8	Đạt	18	100,00	Đạt	90,18	Xuất sắc
81	Tháng 9	H01.131	UBND phường Chi Lăng	18	100	19,08	95,4	Đạt	18,9	85,91	Đạt	8,03	66,92	Đạt	8,14	81,4	Đạt	18	100,00	Đạt	90,15	Xuất sắc
82	Tháng 9	H01.115	UBND xã Châu Phong	18	100	19,49	97,45	Đạt	18,62	84,64	Đạt	8,07	67,25	Đạt	7,96	79,6	Đạt	18	100,00	Đạt	90,14	Xuất sắc
83	Tháng 9	H01.153	UBND xã Vĩnh Trạch	18	100	19,17	95,85	Đạt	18,59	84,50	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,2	82	Đạt	18	100,00	Đạt	90,03	Xuất sắc
84	Tháng 9	H01.194	UBND xã Vĩnh Hòa	18	100	19,64	98,2	Đạt	17,8	80,91	Đạt	8,03	66,92	Đạt	8,4	84	Đạt	18	100,00	Đạt	89,87	Tốt
85	Tháng 9	H01.169	UBND xã Châu Thành	18	100	18,78	93,9	Chưa đạt	18,56	84,37	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,39	83,9	Đạt	18	100,00	Đạt	89,8	Tốt
86	Tháng 9	H01.161	UBND xã Hòa Điền	18	100	19,41	97,05	Đạt	18,23	82,87	Đạt	8,06	67,17	Đạt	8	80	Đạt	18	100,00	Đạt	89,7	Tốt
87	Tháng 9	H01.170	UBND xã Bình An	18	100	19,15	95,75	Đạt	18,1	82,28	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,32	83,2	Đạt	18	100,00	Đạt	89,66	Tốt
88	Tháng 9	H01.150	UBND xã Ôc Eo	18	100	19,77	98,85	Đạt	17,57	79,87	Chưa đạt	8,02	66,84	Đạt	8,21	82,1	Đạt	18	100,00	Đạt	89,57	Tốt
89	Tháng 9	H01.143	UBND xã Cù Lao Giêng	18	100	19,57	97,85	Đạt	18,17	82,60	Đạt	8,07	67,25	Đạt	7,75	77,5	Đạt	18	100,00	Đạt	89,56	Tốt
90	Tháng 9	H01.160	UBND xã Kiên Lương	18	100	19,32	96,6	Đạt	18,03	81,96	Đạt	8,07	67,25	Đạt	7,93	79,3	Đạt	18	100,00	Đạt	89,35	Tốt
91	Tháng 9	H01.152	UBND xã Phú Hòa	18	100	18,05	90,25	Chưa đạt	19,14	87,00	Đạt	8,07	67,25	Đạt	7,96	79,6	Đạt	18	100,00	Đạt	89,22	Tốt
92	Tháng 9	H01.139	UBND xã Bình Hòa	18	100	19,32	96,6	Đạt	17,95	81,60	Đạt	8,04	67,00	Đạt	7,81	78,1	Đạt	18	100,00	Đạt	89,12	Tốt
93	Tháng 9	H01.135	UBND xã Ô Lâm	18	100	17,72	88,6	Chưa đạt	19,19	87,23	Đạt	8,06	67,17	Đạt	8,18	8						

Stt	Tuần trong năm/ Tháng	Mã Cơ quan	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch		Tiến độ, kết quả giải quyết			Số hóa hồ sơ			Cung cấp dịch vụ trực tuyến			Thanh toán trực tuyến			Mức độ hài lòng			TỔNG	LOẠI
				Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 20 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ TBGQ đạt tối thiểu 95% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 22 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ SOHOA đạt tối thiểu 80% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 12 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ DVCTT đạt 60% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 10 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG*	Mục tiêu Tỷ lệ TTTT đạt tối thiểu 60% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ hài lòng đạt tối thiểu 90% trở lên		
				1	2	3	4		5	6		7	8		9	10		11	12		13 = 1+3+5+7+9+11	14
100	Tháng 9	H01.188	UBND xã An Minh	18	100	18,99	94,95	Chưa đạt	16,8	76,37	Chưa đạt	8,09	67,42	Đạt	6,15	61,5	Đạt	18	100,00	Đạt	86,03	Tốt
101	Tháng 9	H01.155	UBND phường Rạch Giá	18	100	19,07	95,35	Đạt	16,52	75,10	Chưa đạt	8,12	67,67	Đạt	5,46	54,6	Chưa đạt	18	100,00	Đạt	85,17	Tốt
102	Tháng 9	H01.201	UBND Đặc khu Phú Quốc	18	100	15,08	75,4	Chưa đạt	13,94	63,37	Chưa đạt	8,13	67,75	Đạt	3,72	37,2	Chưa đạt	17,03	94,62	Đạt	75,9	Khá